

LUẬN A TỶ ĐẠT MA TẠNG HIỂN TÔNG

QUYỂN 33

Phẩm 7: NÓI VỀ HIỂN THÁNH (PHẦN 5)

Đã nói về quả Dự lưu, v.v... của vị hữu học có nhiều sai khác, làm A-la-hán cũng có nhiều thứ tướng sai khác chăng?

Cũng có.

Việc này là thế nào?

Tụng rằng:

*A-la-hán có sáu
Là Thoái đến Bất động
Năm Tín giải trước sinh
Gọi chung thời giải thoát
Bất thời giải thoát sau
Từ trước, Kiến chí sinh.*

Luận chép: Trong Khế kinh nói về A-la-hán, vì chủng tánh khác nhau, nên có chủng loại trụ như sau:

1. Thoái pháp.
2. Tư pháp.
3. Hộ pháp.
4. An trụ pháp.
5. Kham Đạt pháp.
6. Bất động pháp.

Tuy nhiên, kinh khác nói: Vô học có chín, nghĩa là đầu tiên, thoái pháp, sau là câu giải thoát.

Pháp bất thoái kia thuộc về Bất động này, hai giải thoát kia có cả sáu thứ này, nên A-tỳ-đạt-ma chỉ nói có sáu thứ.

Nói thoái pháp, nghĩa là A-la-hán kia đã đạt được căn loại như thế, an trụ căn này, gặp duyên lui sụt, bèn lui sụt sở đắc của mình. Không có duyên lui sụt, ấy là nhập Niết-bàn. Hoặc có siêng năng rỗng

rã, tinh tiến được tánh cao quý, vì gặp duyên, phần nhiều lui bước, nên gọi là thoái pháp.

Nói tư pháp, nghĩa là có thu đạt đắc. Căn loại như thế, an trụ ở căn này, niệm nghĩ vững chắc, đa số trụ ở quán nhằm chán, e mất đức cao đẹp, vì tự khích lệ tâm, vì phần nhiều lo nghĩ hại mình, nên gọi là tư pháp.

Nói hộ pháp, nghĩa là có một loại, thường ở lúc tâm ái, giải thoát buộc ý niệm hiện tiền, chuyên tinh tiến đề phòng, thủ hộ, trụ không buông lung, nên gọi là hộ pháp.

An trụ pháp, nghĩa là xa lìa duyên thoái vượt hơn, dù không tự đề phòng, nhưng cũng có thể không lui sụt lìa gia hạnh vượt hơn, cũng không rên luyện căn, phần nhiều đối với trụ xứ, nên gọi là an trụ.

Kham Đạt pháp, nghĩa là tánh gắng năng ưa tu luyện căn, đạt nhanh chóng pháp không nghiêng động, vì khả năng thân chứng nhay bén, nên gọi là kham đạt.

Bất động pháp, nghĩa là có một loại với căn tánh cao quý, chí không yếu hèn, với công đức đã thu đạt gặp duyên lui sụt vượt hơn, tất nhiên cũng không lui bước, nên gọi là Bất động.

Có sự khác lại giải thích: Tướng khác nhau của sáu thứ này, nghĩa là sáu chủng tánh, trước đối với vị học. Hai chủng tánh đầu, thiếu hằng thời (thời gian liên tục) và gia hạnh tôn trọng, nhưng đến Vô học, tư pháp, siêng năng nhỏ nhoi.

Hộ pháp chỉ có gia hạnh hằng thời, pháp an trụ chỉ có gia hạnh tôn trọng. Pháp gắng đạt đủ cả hai mà là căn tánh chậm lụt, pháp Bất động đủ cả hai mà là căn tánh nhay bén.

Có người nói như thế này: Thoái pháp, tất nhiên lui sụt, cho đến pháp kham đạt, đạt đến Bất động. Nếu không như vậy thì đặt tên sẽ hóa ra vô ích.

Người kia chấp ở cõi Dục, có đầy đủ sáu, trong cõi Sắc, cõi Vô sắc chỉ có An trụ, Bất động, A-la-hán kia không lui mất, tự hại, tự phòng hộ và tu rèn luyện căn, nên chỉ có hai. Về mặt lý, thật ra không có chắc chắn. Tuy nhiên, lui lại quả ứng, hợp chỉ thoái từ trước đến nay, chủng tánh lui sụt, cho đến được Bất động, chỉ gắng đạt. Có thể đặt tên thoái, v.v..., vì căn cứ ở chấp nhận Có thuyết nói, nên sáu A-la-hán ở cả ba cõi đều có. Năm thứ trước trong sáu, sinh ra từ Tín giải, tức ở đó gọi chung là thời ái tâm giải thoát, vì giải thoát tâm ái trong tất cả thời gian, cũng gọi là Thời giải thoát, nghĩa là đợi thời gian, xứ sở, Bồ-đặc-già-la, vì vật dụng, tiền của, v.v... phải hợp thời mới được giải thoát, do dựa vào công

năng mỏng manh, yếu kém, phải đợi thời gian vượt hơn mới được giải thoát. Hoặc tất cả định cao quý hiện tiền, chủ phải đợi thời gian vượt hơn, là nghĩa thời này. Vì lìa sự ràng buộc nên gọi là giải thoát. Đây là đợi thời gian và nghĩa giải thoát.

Sơ lược vì đầu tiên nói, như nói: Bình bơ, tánh của pháp Bất động, gọi là sau, tức đó gọi là tâm Bất động giải thoát. Tâm kia giải thoát, không phải vì bị khuấy động do hoặc, cũng gọi là bất thời giải thoát, vì không đợi thời gian, được giải thoát.

Hoặc nhờ định vượt hơn, tùy xứ sở, tùy thời gian, tùy theo đối tượng gặp duyên, tùy theo dục, ấy là vì khởi lìa ràng buộc, nên gọi là giải thoát, tức là nghĩa: không chờ thời và giải thoát.

Có giải thích khác: Hai lời nói sai khác này: Do được giải thoát tạm thời, gọi là thời giải thoát, về sau, có chấp nhận lui sụt. Vì rốt ráo được giải thoát, nên gọi là Bất thời giải thoát, về sau không có chấp nhận lui sụt. Đây là từ tánh Kiến chí của vị trước sinh.

Như thế đã nói về chủng tánh mà sáu A-la-hán đã có, vì là có trước hay về sau mới được?

Không chắc chắn. việc này thì thế nào?

Tụng rằng:

Có khi là chủng tánh trước

Có khi luyện căn được.

Luận chép: Chủng tánh của thoái pháp, là có trước, năm thứ như tư pháp, v.v... cũng có được sau, nghĩa là có từ trước đến nay là tánh của tư pháp, cho đến Bất động, có thoái pháp trước, luyện căn thành tư duy, cho đến Bất động, v.v... với nhiều thứ sai khác, như lý, nên tư duy.

Trong sáu thứ A-la-hán như thế, chỉ năm thứ trước chấp nhận có nghĩa lui sụt.

Ai lui sụt từ đâu? Là tánh hay quả?

Tụng rằng:

Bốn từ chủng tánh thoái

Năm từ quả chẳng trước.

Luận chép: Vì chủng tánh Bất động, tất nhiên không có lý lui sụt, nên chỉ năm thứ trước, chấp nhận có nghĩa lui sụt, ở giữa, bốn thứ sau, có chủng tánh thoái. Một thứ thoái pháp, không có lý của tánh thoái, vì chủng tánh này ở chỗ rất thấp. Năm thứ đều có từ lý quả thoái, dù đều có thoái, nhưng không phải ở trước, nghĩa là trong vị Vô học, từ chủng tánh của pháp lui sụt, tu luyện căn, vận hành chuyển thành tư, v.v... Bốn thứ này đều có nghĩa của quả tánh thoái. Chủng tánh thoái pháp dù phải

trước đã được mà là vì thoái pháp nên chấp nhận quả thoái.

Trong các vị Hữu học, từ tánh của thoái pháp tu luyện căn, vận hành chuyển thành tư duy, v.v... và được quả Hữu học đều chấp nhận lùi mất. Các bậc Vô học, trước đã trụ chủng tánh trong học vị, học vị đó đã từ tánh này, không có lý lui sụt, vì học đạo Vô học đã thành vững chắc.

Các người Hữu học, trước đã trụ chủng tánh trong vị phàm, Hữu học ấy đã từ tánh này, cũng không có lý lui sụt, vì đạo thế gian, xuất thế gian đã thành vững chắc.

Trong hai vị trước đã trụ tánh tư duy, v.v..., thì không có lui sụt quả đã được này. Hai đạo của tánh này vì đã trở nên vững chắc, nên họ từ tư duy, v.v... tu hành luyện căn, chuyển vận được hộ, v.v..., chỉ có thể tánh thoái, chuyển tánh đã được, tiến lên được quả Hữu học cũng có nghĩa lui sụt.

Do chủng tánh này không phải do hai đạo thành, vì không vững chắc. Nếu căn cứ bốn quả để nói về nghĩa của quả thoái, thì cho dù năm chủng tánh đều có thể là quả thoái, nhưng sở đắc ở trước, không có lui sụt, nghĩa là người đã chứng đắc trước trong bốn quả, tức Dự lưu, v.v... Ba quả trước tùy một từ quả trước này, sẽ không có nghĩa lui sụt, vì là quả đã được do dứt kiến hoặc, nên Thánh vì dứt kiến hoặc, sẽ không Có sự lui sụt.

Vì sao Thánh dứt trừ kiến hoặc không có lui sụt?

Vì Thánh kia không duyên sự sở chấp, nghĩa là hiện hành phiền não do kiến dứt, đều do thế lực của ngã kiến, do phiền não kia khởi ngã kiến làm căn. Do đó, kiến hoặc không duyên theo sở chấp, vì sự đối tượng chấp đều không có tự thể, nhưng có đế, đối tượng duyên làm cảnh, nên sự đối tượng chấp kia đều không có hạt giống, vì đối với cảnh, đối tượng duyên rất trái nghịch, nên bậc Thánh nối tiếp nhau chân vô ngã giải, vì thường được thuận theo, nên mặc dù tạm thời quên mất, nhưng không chấp nhận chấp lại có ngã, do kiến dứt dựa vào sự ngã sinh, nên Thánh dứt hoặc rồi, sẽ không có nghĩa lui sụt. Hoặc do tu dứt dù chuyển điên đảo, nhưng chẳng phải không có hạt giống Có sự sở chấp, nghĩa là đối với sắc, v.v..., đắm nhiễm, ghét trái, tự cao cử, không hiểu rõ khi chuyển hành tướng. Đối với sắc, v.v... chẳng phải không có phần ít, vì tịnh diệu, oán hại, cao thấp rất sâu, nên không phải chuyển vận rất trái xử trong cảnh. Do đó, bậc Thánh có khi mất niệm, chấp lui sụt tướng tịnh diệu, v.v..., khởi hoặc do tu dứt. Lại, hoặc do kiến dứt mê ở lý Thánh đế, chấp tướng ngã, v.v... trong lý Thánh đế không có. Về

mặt lý, chắc chắn có thể dựa Thánh kiến không có thoái, hoặc do tu dứt, mê ở sự thô, sinh, vì sự biến chuyển khó nường tựa, nên có lui sụt mất niệm. Lại, hoặc do kiến dứt, phải ở xét, nghĩ sinh. Khi bậc Thánh xem xét, nghĩ nhớ, thì sẽ không khởi hoặc. Hoặc do tu dứt, không phải xét, nghĩ sinh. Khi bậc Thánh mất niệm, thì chấp nhận có nghĩa thoái. Do không có lui sụt này, nên quả đã được trước.

Thoái pháp của Vô học trong đây có ba:

1. Căn tăng tiến.
2. Lui sụt trụ học.
3. Trụ ở vị mình mà nhập Niết-bàn.

Tư pháp có bốn, ba thứ như trước đã nói. Lại thêm một thứ thoái, trụ tánh lui sụt. Ba thứ còn lại, theo như thứ lớp, có năm, sáu, bảy, nên biết sau nữa, vì mỗi tăng.

Vì sao Luyện căn thành tư duy, v.v...?

Khi lui sụt quả ứng kia, trụ vị Hữu học, trụ, trụ tánh thoái lui trước kia, không phải đối tượng lui sụt. Nghĩa là được đạo tư, v.v..., nay đã xả.

Lẽ nào không phải vị học chuyển biến thành Tư, v.v..., khi được quả ứng, dù xả sở đắc, đạo học tư, v.v..., nhưng vẫn trụ quả ứng, chủng tánh tư, v.v..., ở vị Hữu học này lẽ ra cũng như thế.

Sự so sánh này không cân bằng, vì đạo học kia gồm nhiếp đạo Vô học kia là quả đẳng lưu, nên chẳng phải tư, v.v... mà vị Vô học đã xả, làm nhân đồng loại cho đạo học này, khả năng dẫn chủng tánh tư, v.v... của Hữu học, nên lui sụt trụ đã xả trước kia.

Có nói khác đặt riêng ở đây nhân chứng. Nghĩa là nếu lui sụt trụ chủng tánh bị lui sụt, vì được chủng tánh vượt hơn, nên phải là tiến, không phải thoái.

Đây không phải nhân chứng. Nếu không có hai nghĩa có thể có, là tiến, vì không phải lỗi lui sụt. Nhưng được tánh vượt hơn, dù có thể gọi là tiến, nhưng vì khởi hoặc, nên cũng gọi là thoái. Do đó, vấn nạn kia, về lý không có lỗi. Lại thoái hoặc kia là khởi pháp chướng ngại Niết-bàn, thì Thánh ưa thích Niết-bàn, lỗi ở Thánh đạo. Giả sử được tánh vượt hơn mà lui sụt Niết-bàn chỉ phải gọi là thoái, không nên gọi là tiến.

Lại nữa, vì sao duyên các A-la-hán, v.v... lìa nhiệm Hữu Đảnh, là không cảm thọ sinh sau?

Nhưng đối với đó có ở phiền não, chứng pháp bất sinh mà không phải là tất cả.

Có thuyết nói: Vì căn cơ có sai khác, nên cách giải thích này phi lý, vì Khế kinh nói: Thoái pháp, bất thoái, vì phẩm căn đồng, như nói: Năm căn mạnh mẽ, nhạy bén tăng thượng, vì rất viên mãn, nên gọi là câu giải thoát. Nhưng có câu giải thoát là vì lui sụt chủng tánh, vì không phải căn cơ vượt hơn, nên chứng hoặc bất sinh.

Nếu như vậy thì do chủng tánh nào khác, nên sáu chủng tánh chỉ ứng với quả hữu dư, cũng có chăng?

Tu tập luyện căn chỉ vị Vô học, vị khác cũng có.

Tụng rằng:

Phàm phu học cũng sáu

Luyện căn chẳng thấy đạo.

Luận chép: Chủng tánh của phàm phu Hữu học cũng có sáu, sáu thứ quả ứng, Hữu học kia là trước, vì an trụ chủng tánh sai khác, nên có dứt hoặc, sinh sau bất sinh.

Quyết định vào lúc nào? Đối với hoặc bị dứt chứng pháp bất sinh? Nghĩa là được công năng ngăn dứt phiền não loại này, khi đạo cao siêu.

Nếu vậy, phiền não này bất sinh, thì phải là trạch diệt, chứ không phải phi trạch diệt?

Nếu là phi trạch diệt thì phi trạch diệt nên là quả đạo.

Như thế, ấy là trái với Thánh giáo, như nói: Thế nào là không phải pháp quả? Nghĩa là phi trạch diệt và hư không vô vi.

Bất sinh này thành trạch diệt mất, vì đạo thắng tiến chuyển vận không phải là trạch diệt này. Vì đã không phải đối tượng làm, nên không phải quả đạo. Nay, rõ ràng do đạo đã chứng bất sinh, chắc chắn không do căn, vì đều ứng được, chỉ do sức chủng tánh mạnh mẽ mà được, cho nên Bất động. Nghĩa là hoặc sẽ không sinh, không phải chỉ Vô học có căn cơ tăng tiến, mà phàm phu Hữu học cũng có nghĩa này, chỉ không phải thấy đạo có thể tu luyện căn. Vì vị thấy đạo này không chấp nhận khởi gia hạnh, nghĩa là vị thấy đạo chuyển vận nhanh chóng không có dấu vết ở giữa, lại tu sự khác, chỉ có trong vị phàm phu Tín giải có thể tu luyện căn, như vị Vô học, như nói: Bất động lui sụt hiện pháp lạc.

Sao pháp Bất động cũng thừa nhận có nghĩa lui sụt mà vẫn không có lỗi trái với nhau? Vì sao thế?

Tụng rằng:

Nên biết thoái có ba

Đã, chưa được thọ dụng

Phật chỉ có sau cùng

Trong nháy, sau độn ba.

Luận chép: Nên biết các thoái gồm có ba thứ:

1. Lui sụt đã được: lui sụt công đức cao quý đã được.
2. Lui sụt chưa được: nghĩa là chưa thể được công đức nên được.
3. Lui sụt thọ dụng, nghĩa là các công đức cao quý đã được không thể hiện ở trước.

Hai thứ trước trong ba, lấy phi đắc làm thể, thứ ba chỉ công đức kia không hiện ở trước. Trong ba thứ lui sụt này, Đức Thế tôn chỉ có một thứ lui sụt thọ dụng, vì có chắc chắn các việc tạo tác và nghiệp dẫn dắt tâm mình, cho dù có vô lượng việc khác, mà ít có không chung pháp Phật, cũng không có khởi dẫu vết, trừ Phật, Thế tôn, pháp Bất động khác có đủ chưa được và lui sụt thọ dụng. Nghĩa là đối với định, v.v... vô tránh cao quý sẽ được công đức, vì chưa thể được, nên có lui sụt chưa được, Có sự nghiệp khác dẫn dắt tâm mình, vì công đức đã được, không có khởi dẫu vết. Nên có lui sụt thọ dụng. Năm thứ tánh khác chấp nhận có đủ ba, cũng vì chấp nhận lui mất công đức đã được, nên căn cứ ở lui sụt thọ dụng để nói pháp Bất động, lui sụt hiện pháp lạc, không có lỗi trái với.

Các A-la-hán đã thừa nhận lui sụt quả là sinh lại không?

A-la-hán kia đối với vị lui sụt mang hoặc mà qua đời, lại thọ sinh.

Đối với khi trụ quả không làm các việc, lúc lui sụt có làm hay không?

A-la-hán kia đã khởi hoặc, có làm quả trái với sự, không có lỗi như thế.

Vì sao?

Tụng rằng:

Tất cả từ quả thoái

Đều được, không qua đời

Trụ quả không do làm

Thẹn tăng nên không tạo.

Luận chép: Không có lui sụt từ quả, giữa chừng qua đời, lui sụt rồi, trong giây lát, sẽ được trở lại. Nếu có tuổi thọ sắp hết, thì sẽ không có lý lui sụt, vì không mất niệm. Phải là sự sanh tử lâu có thừa, mới có lý lui sụt, lui sụt rồi không bao lâu sẽ chứng đắc trở lại. Như Khế kinh nói: Bí-sô phải biết! Các đệ tử bậc Thánh học rộng như thế, sẽ chậm mất chánh niệm, nhanh chóng trở lại có thể khiến cho đối tượng lui sụt

khởi tận, một, diệt, ly. Nếu cho rằng không như vậy, thì quả tu phạm hạnh không phải chỗ yên ổn, chỗ đáng tin cậy. Lại, vị trụ quả không nên làm, trái với sự nghiệp quả, vì sự xấu hổ tăng, nên dù tạm quên phiền não hiện hành, như khi trụ quả sẽ không có lý tạo tác, như người dòng họ cao quý, khi tạm thời mất đi quả vị, khác nhau với phạm dung tạo nghiệp thô bỉ, hèn kém.

Lại, ai có thoái, ai không có thoái?

Người tu quán bất tịnh nhập Thánh đạo, chấp nhận có lui mất, người tu giữ niệm hơi thở, nhập đạo Thánh, sẽ không có lui mất, tôn trọng chỉ, quán, không có tham, si tăng, như theo thứ lớp, nên biết có thoái, không có thoái.

Giới nào, cõi nào chấp nhận có lui sụt?

Chỉ loài người ở ba châu cõi Dục, có lui sụt. Sáu tầng trời cõi Dục, người được quả Thánh thì Có thuyết nói: Vì căn tánh nhạy bén nên không có lui sụt, vì có trí vượt hơn có thể chế phục tâm, vì khiến cho trái với cảnh đẹp, nhập Thánh đạo.

Có thuyết nói: Người lui sụt do thiếu duyên giúp sức, hoặc vì thân, đối tượng nương tựa không bình đẳng, nên hai sự của sáu tầng Trời cõi Dục đều không có. Dù có căn tánh chậm lụt Tùy tín, hành, sinh lên tầng trời kia được quả Thánh, cũng không có lý lui sụt.

Các người có lui sụt, vì lui sụt khởi hoặc, hay lui sụt trước rồi, hoặc mới hiện tiền, hoặc có dục, khiến lui sụt khởi hoặc.

Túc Luận Phẩm Loại, nói phải làm sao hiểu? Như luận ấy nói: Tùy miên tham dục do ba xứ khởi:

1. Tùy miên tham dục chưa dứt biết khắp.
2. Thuận với pháp ràng buộc (triền) kia, chánh hiện ở trước.
3. Đối với pháp kia, vì chánh khởi tác ý phi lý, cho đến nói rộng không có lỗi trái nhau.

Vì sao?

Vì phiền não hiện tiền, lược có hai thứ: Đã dứt, chưa dứt vì có sai khác. Trong đây, nói riêng chưa dứt, khởi. Lại phiền não khởi tóm tắt có hai môn: nhiễm, không nhiễm, vì tâm Vô gián khởi.

Trong đây, nói nghiêng về Vô gián nhiễm: Hoặc là phiền não khởi, gồm có ba duyên, nhưng phiền não sinh, đối tượng nhờ vả không chắc chắn. Hoặc có, chỉ nhờ vào sức cảnh giới sinh, hoặc nhờ nhân của cảnh, hoặc gồm gia hạnh. Đây là căn cứ đủ, nên nói do ba, hoặc khi khởi hoặc có ba duyên sẽ đủ. Tác ý phi lý chánh khởi hiện tiền, vì tùy miên, đối tượng dứt, sẽ thành trở lại.

Tâm nào lui sụt Vô gián khởi hoặc?

Người từ Vô học khởi lui sụt hoặc, nếu khởi lui sụt triền sắc, triền Vô sắc, chỉ từ địa mình, thuận với định của phần lui sụt, tương ứng với Vô gián tâm thiện mà khởi, không phải trụ hữu cội Dục, tâm vô phú vô ký thuộc về địa trên hiện ở trước, chỉ trừ tâm quả thông, nhưng không có từ lui sụt kia.

Há không thuận với phần thoái đều xả khi lìa nhiễm đối với địa mình.

Sao người Vô học chưa lui sụt khởi hoặc, tâm kia hiện tiền. Về lý thật sự như thế. Nhưng thuận với phẩm loại của phần trụ có ba:

1. Một ít thuận với lui sụt.
2. Một ít thuận với tiến tới.

3. Bảo thủ vị mình, trước kia nói địa mình, thuận với thoái phần định, tức thuận với phần ít trong phần trụ, thuận với thoái, nghĩa là vì một ít thuận với thoái, nên được thuận với tên thoái. Nhưng vì tâm định này với bảo thủ quả vị mình, có nhiều mối quan hệ lẫn nhau, nên thuộc về thuận phần trụ. Các hữu chưa mất, thuận với phần thoái. Nghĩa là Vô gián của tâm kia, phiền não hiện tiền. Nếu xả tâm kia, thuộc về từ thuận với trụ, một ít thuận với thoái, nghĩa là vì khởi thoái phiền não, nên đối với nghĩa vẫn không bị trái với. Nếu khởi triền dục mà thoái mất, thì từ thiện, vô phú vô ký của địa mình. Hai tâm Vô gián đều chấp nhận hiện tiền. Đối với người từ vị Hữu học khởi lui sụt hoặc, khi khởi thoái phiền não của sắc, Vô sắc. Nếu người trước đã hoàn toàn lìa nhiễm của địa này, chỉ từ địa này thuận với phần thoái, Vô gián tâm thiện tương ứng với định mà khởi. Nếu là người chưa hoàn toàn lìa nhiễm của địa này, thì từ hai tâm thiện và nhiễm ô của địa này Vô gián, đều chấp nhận hiện tiền. Người khởi triền cội Dục mà lui mất, nếu trước hoàn toàn lìa nhiễm thuộc về cội Dục, từ hai tâm Vô gián thiện, vô phú vô ký của địa mình, đều chấp nhận hiện tiền. Nếu là người chưa hoàn toàn lìa nhiễm cội Dục, thì từ ba tâm Vô gián thiện, nhiễm, vô phú vô ký cội Dục đều chấp nhận hiện tiền. Nếu chưa hiện ở trước, về sau được thanh tịnh, thì tính lự Vô sắc sẽ không có khả năng khởi lui mất triền cội Sắc, cội Vô sắc đã được. Hoặc kia vì từ Vô gián kia khởi, nên chỉ khởi lui mất triền dục đã được.

Nếu hiện tiền được tính lự thanh tịnh, thì cũng chưa hiện tiền được Vô sắc tịnh, sẽ không có khả năng khởi lui sụt triền Vô sắc, khởi lui mất triền sắc cội Dục, đã được. Nếu đã hiện tiền đạt được tính lự Vô sắc thanh tịnh, thì khởi chung lui mất triền cội Dục, cội Sắc, cội Vô sắc đã

được. Khi các hữu lui mất sở đắc trước kia, nếu khởi triền cõi trên, lui sụt hiện ở trước, thì sẽ không mất thiện cõi dưới, không thành hoặc cõi dưới. Nếu khởi triền của địa dưới lui sụt hiện ở trước, thì chắc chắn sẽ mất thiện của địa trên, chắc chắn sẽ thành hoặc của địa trên.

Lại nữa, có người muốn cho trước lui sụt rồi, thời gian sau đối cảnh, hoặc mới hiện tiền.

Túc Luận Thi Thiết sẽ giải thích ra sao? Như luận ấy nói: Ba triền của Vô sắc, mỗi triền hiện khởi, lui sụt Vô sắc tận, trụ trong sắc tận. Túc Luận Thức Thân sẽ giải thích thế nào?

Như nói của luận kia nói: Tâm nhiệm thuộc về cõi Vô sắc hiện tiền, xả thiện Vô học, nối tiếp thiện Hữu học, lui sụt tâm Vô học, trụ ở tâm Hữu học, các tâm này đều không trái nhau. Vì căn cứ vào lúc nhận biết để nói, nghĩa là trước, dù lui sụt nhưng chưa nhận biết, sau khi khởi hoặc, mới tự nhận biết lui sụt, như có người trước tụng bốn A-cấp-ma, giữa đường, bỏ dở thời gian lâu, dù quên nhưng không hay biết. Sau tụng không được mới biết mình đã quên. Các tâm này cũng như vậy, nên không có trái mất.

Trụ tâm nào lui sụt? Về sau có khởi hoặc chăng?

Trụ tâm dị thực sinh, oai nghi, công xảo, vô phú vô ký trong cõi Dục. Lui sụt rồi, thời gian sau mới có thể khởi hoặc. Nhưng tâm vô phú vô ký thuộc về cõi Dục này, hoặc có trái chung phiền não ba cõi, tâm này khi chánh khởi, không có nghĩa lui sụt được hoặc của ba cõi, hoặc có nghĩa chỉ vì trái với phiền não cõi Dục, cõi Sắc. Tâm này chính thức khởi, chấp nhận có nghĩa lui sụt được hoặc cõi Vô sắc. Hoặc có nghĩa chỉ trái với phiền não cõi Dục, tâm này chánh khởi, chấp nhận có nghĩa lui sụt được hoặc của ba cõi, hoặc có nghĩa không trái với phiền não ba cõi, tâm này chính thức khởi, chấp nhận có nghĩa lui sụt được hoặc của ba cõi.

Tất cả lui sụt rồi, tùy theo đối tượng thích ứng của ba cõi, khởi tâm trước hoặc, đều như trên đã nói.

Đối với hai nói này, nói trước là đúng, như trên đã nói. Có luyện căn được, nay nên tư duy lựa chọn.

Các bậc Thánh luyện căn có bao nhiêu Vô gián? Bao nhiêu đạo Giải thoát dùng đạo hữu lậu làm vô lậu? Dựa vào thân nào và căn cứ ở địa nào?

Tụng rằng:

*Bậc Vô học luyện căn
Chín Vô gián, Giải thoát*

*Tập lâu nên học một
 Vô lậu dựa người ba.
 Vô học nương chín địa
 Hữu học chỉ dựa sáu
 Xả quả, đạo quả hơn
 Vì chỉ được đạo quả.*

Luận chép: Người mong cầu chủng tánh vượt hơn, tu luyện căn, chuyển biến mỗi tánh trong vị Vô học, đều do chín Vô gián, chín đạo Giải thoát, như được quả ứng. Vì sao? Vì căn tánh chậm lụt kia do tập quán lâu, không phải một ít công lực mà có thể chuyển biến được, đạo Hữu học, Vô học thành tựu vững chắc, nên trong vị Hữu học chuyển vận mỗi tánh, đều một Vô gián, một đạo Giải thoát, như được Sơ quả, không phải vì tập lâu, mà là vì các vị của đạo gia hạnh kia đều một học, vị Vô học, lúc tu luyện căn đều tu dần dần, về sau, chủng tánh sau vì được chủng tánh vượt hơn mới xả thua kém trước, nên khi các bậc Vô học tu luyện căn, do gia hạnh Vô gián, tám giải thoát trước, như chỗ ứng hợp đều gồm nhiếp thoái pháp, v.v... Giải thoát thứ chín là tư pháp, v.v... Các người Hữu học lúc tu luyện căn, gia hạnh Vô gián là thuộc về thoái, v.v..., thời Giải thoát gọi là tư pháp, v.v...

Ta đã bẩm thừa các đại luận sư nói là luyện căn đều vì ngăn dứt, loại xả sức hoặc do kiến tu dứt đã dẫn phát vô tri vô phú vô ký hiện hành, nên người tu luyện căn trong vị Hữu học, chính là ngăn dứt, loại trừ kiến hoặc đã phát. Người tu luyện căn trong vị Vô học, chính vì ngăn dứt, tu hoặc đã phát, như dứt hoặc kia, khi phát được hoặc, đã khởi ít nhiều giải thoát Vô gián.

Như thế, dứt hoặc đã phát khởi như vậy, vô tri hiện hành, đạo thường cũng vậy. Cho nên, lúc Vô học tu luyện căn, đã dùng chín Vô gián, chín đạo Giải thoát. Vị học luyện căn, hai đạo đều một. Nhưng kiến tu hoặc đã phát vô tri, tùy theo đối tượng chương khác nhau có nhiều phẩm loại, nên khi chuyển biến thoái, v.v... thành tư, v.v..., các đạo hiện tiền đều có đối tượng loại trừ. Do đó, không có vượt qua được thắng tánh.

Có sư khác nói: Tất cả luyện căn đều dùng một gia hạnh Vô gián, giải thoát, mà nói trước nói là đúng. Về lý, như trước đã nói. Như vậy, Vô gián và đạo Giải thoát, tất cả chỉ thuộc về tánh vô lậu. Bậc Thánh không có lý nào dùng đạo hữu lậu để chuyển căn, vì thể của pháp thế tục không phải tăng thượng, vì không có kham năng, nên tất cả gia hạnh đều có cả hai thứ.

Như thế nói đã nói chỉ căn cứ ở hiện hành, tu cả vị lai, lại có sai khác, nghĩa là khi vị Vô học tu luyện căn, gia hạnh vị lai cũng tu cả hai: chín đạo Vô gián và tám đạo Giải thoát, đối tượng tu vị lai cũng chỉ có vô lậu. Giải thoát thứ chín tu vị lai hai, tu cả công đức hiện có của ba cõi, vì đồng với đối tượng tu của tận trí ban đầu. Nếu là vị Hữu học lúc tu luyện căn, thì gia hạnh vị lai cũng tu cả hai. Vô gián, giải thoát đã tu vị lai, cũng chỉ vô lậu, như được Sơ quả, nhưng vị Vô học lúc tu luyện căn, đạo thường đã tu, như dứt Hữu đỉnh. Nếu vị Hữu học khi tu luyện căn, Đạo thường đã tu như dứt đối tượng dứt của thấy đạo ở cõi trên, do vị Hữu học kia chỉ với khi gần đắc quả, vì đạo tương tự, nên vị học, Vô học khi tu luyện căn, gia hạnh đều có cả từng được, chưa từng được, Vô gián, giải thoát, chỉ là chưa từng, tất cả đều thông qua pháp trí, loại trí. Người tu luyện căn chỉ người ở ba châu, chỉ vì dựa vào thân này mà Có sự sợ hãi, lui sụt.

Hỏi: Vì sao gọi là tu luyện căn?

Đáp: Điều phục, rèn luyện các căn, sao cho được tăng trưởng, nghĩa là vì năng lực đạo, nên khiến căn nối tiếp, xả hạ được trung, xả trung được thượng, thêm vượt hơn dần, gọi là luyện căn, nên luyện căn còn gọi là nghĩa chuyển căn. Mặc dù tám Giải thoát được dần căn vượt hơn, nhưng vì ả tâm cầu tánh cao siêu, nên khi chưa được tánh cao siêu, thì không xả sự thua kém ở trước, như đã được quả sau, mới xả hưởng trước. Như ở chủng tánh của vị Thánh có sáu, có thể tu luyện căn, đối với gia hạnh noãn, v.v... trước thấy đạo, nên biết cũng vậy. Có sai khác: Nếu trong vị Thánh được chủng tánh vượt hơn, thì bỏ thua kém trước kia. Người tu luyện căn trong vị Noãn, v.v... chỉ được tánh hơn, tánh kém không hiện hành, gọi là chuyển căn, không xả được kém. Vô học luyện căn, căn cứ cả chín địa, nghĩa là bốn tĩnh lự, Vị chí, Trung gian và ba Vô sắc, chỉ chín địa này có đạo vô lậu, địa khác thì không có, nên Hữu học luyện căn chỉ dựa vào sáu địa, trừ ba Vô sắc. Vì sao? Vì người chuyển căn chấp nhận có xả quả và được quả vượt hơn, sở đắc chỉ có quả, không phải đạo quả cao siêu, vì tâm ưa quả, nên không có quả Hữu học. Vì thuộc địa Vô sắc nên học luyện căn chỉ căn cứ ở sáu địa.

Nếu thừa nhận vị học, dựa vào sự luyện căn chắc chắn của Vô sắc là trụ Bất hoàn, vị của đạo quả vượt hơn, không có quả Bất hoàn. Vì thuộc về địa Vô sắc, nên không nương tựa Vô sắc để tu luyện căn được quả. Do hai quả đầu, chỉ thuộc về Vị chí, Bất hoàn chỉ thuộc cả sáu địa.

Có thuyết nói: Chỉ có trụ quả luyện căn, chớ có lỗi xả nhiều được

ít, nên, không có lỗi như thế, vì người luyện căn, tâm trông mong quả vượt hơn, không cầu nhiều.

Do người tu luyện căn của vị Hữu học này, nếu trụ ở đạo quả, thì ba thứ như gia hạnh, v.v... đều thuộc về đạo quả, nếu trụ ở đạo thắng tiến, gia hạnh thì Vô gián sẽ thuộc về đạo quả vượt hơn, đạo Giải thoát thuộc về đạo quả, người trụ ở vị Vô học, tu luyện căn, ba thứ như gia hạnh, v.v... chỉ thuộc về đạo quả. Các vị trụ ở quả khi tu luyện căn, xả quả, được quả, trụ ở vị đạo vượt hơn, khi tu luyện căn, xả hai đắc quả. Lại, khi các vị Thánh tu luyện căn với quả vốn được, địa đồng, hoặc khác. Nghĩa là hai quả đều căn cứ ở địa, hẳn là đồng, quả kia và đây đều có dựa vào quả Vị chí, nên Bất hoàn lẽ ra quả căn cứ ở địa bất định: hoặc chỗ dựa bản địa, hoặc trên, hoặc dưới, có sai khác: Nếu đối với Bất hoàn dựa vào địa dưới để luyện căn, sẽ không được quả của địa trên, còn A-la-hán thì không như thế, như vì vốn được quả, nên phần dứt kết Hữu Đảnh, khi luyện căn được quả, thì cho dù xả dứt kia, nhưng vẫn không thành kết Hữu Đảnh.

Như người phạm phu sinh lên bảy địa trên, tùy theo sự thích ứng, xả dứt của địa dưới, mà không thành kết địa dưới, vì đều là lúc tiến, không phải lúc lùi.

Bổ-đặc-già-la của các vị Vô học gồm có bao nhiêu hạng và do sai khác nào?

Tụng rằng:

Bảy Thanh văn, hai Phật

Sai khác do chín căn.

Luận chép: bậc Thánh ở vị Vô học có chín, nghĩa là bảy Thanh văn và hai đẳng giác ngộ.

Năm loại như thoái pháp, v.v..., Bất động chia làm hai, vì sau, trước khác nhau, nên gọi là bảy Thanh văn. Độc giác, Đại giác gọi là hai giác giả. Do chín phẩm căn khác nhau như: hạ hạ, v.v... khiến cho Thánh Vô học thành chín sai khác. Bổ-đặc-già-la Hữu học, Vô học, tất cả gồm nhiếp không ngoài bảy thứ:

1. Tùy tín hành.
2. Tùy pháp hành.
3. Tín giả.
4. Kiến chí.
5. Thân chứng.
6. Tuệ giải thoát.
7. Câu giải thoát.

Căn cứ vào đâu để lập bảy? Sự phân biệt có bao nhiêu?

Tụng chép:

*Gia hạnh, căn, định diệt
Giải thoát nên thành bảy
Việc này riêng chỉ sáu
Vì ba đạo đều hai.*

Luận chép: Căn cứ ở sự sai khác của gia hạnh để lập hai loại đầu tiên. Nghĩa là trước căn cứ ở thời điểm, tin theo lời nói của người và tự thuận theo pháp, vì có thể trong tất cả nghĩa đã cầu, tu gia hạnh, nên đặt ra danh từ Tùy tín hành, Tùy pháp hành. Dựa vào căn cơ Bất đồng, lập theo thứ lớp hai thứ. Nghĩa là dựa vào căn tín tuệ chậm lụt, nhạy bén tăng, như thứ lớp, gọi là Tín giải, Kiến chí. Căn cứ được định diệt để đặt danh từ thân chứng. Do thân chứng nên được định Diệt tận, dựa vào sự giải thoát khác nhau, lập ra hai thứ sau, nghĩa là căn cứ chỉ tuệ lia chướng phiền não, để lập tuệ giải thoát. Căn cứ ở gồm được định, lia chướng giải thoát, để lập câu giải thoát, đó gọi là dù bảy sự riêng, nhưng chỉ sáu, nghĩa là trong thấy đạo có hai vị Thánh:

1. Tùy tín hành.
2. Tùy pháp hành.

Hạnh này đến tu đạo, đặt riêng hai danh:

1. Tín giải.
2. Kiến chí.

Hai danh này đến Vô học lại lập hai danh:

1. Thời giải thoát.
2. Bất thời giải thoát.

Nhưng chỉ nên nói có hai vị Thánh: Tùy tín hành, Tùy pháp hành, vì có khác nhau, nên hai hạng này thuận theo đạo sai khác. Mặc dù đặt tên khác, nhưng không có tự thể khác nhau.

Như thế đã nói Bồ-đặc-già-la, do căn tánh, đạo lia nhiễm nương dựa khác nhau, nên các môn phân tích số thành nhiều ngàn. Vả lại, như đầu tiên, một Tùy tín hành, vì căn, nên thành ba, gọi là hạ, trung, thượng. Vì tánh nên thành năm, đó là thoái pháp, v.v..., vì đạo nên thành mười lăm, gọi là tám nhẫn, bảy trí. Vì xa lia nhiễm, nên thành bảy mươi ba, nghĩa là ràng buộc đủ lia nhiễm của tám địa. Vì dựa vào thân, nên thành chín, nghĩa là ba châu, các trời cõi Dục. Nếu căn tánh, đạo lia nhiễm dựa vào thân nhân nhau sẽ hợp thành một ức, bốn vạn, bảy ngàn tám trăm hai mươi lăm thứ. Tùy pháp hành, v.v... như lý, nên tư duy.

Các môn như thế, v.v... sai khác vô lượng. Nếu muốn chong chất nhỏ nhiệm phân biệt từng pháp một thì công rất nhiều, vì công dụng rất ít, nên ở đây ta lược chỉ bày góc độ, người học hiểu biết, nên tư duy rộng, lựa chọn.

Trước đã nói căn cứ ở giải thoát để lập hai thứ sau. Lập hai thứ trước sau do đâu nên biết. Tụng rằng:

*Đều do được định Diệt
Khác, gọi tuệ giải thoát.*

Luận chép: Các A-la-hán được định Diệt, gọi là câu giải thoát. Do sức định, tuệ song song thoát phiền não, chướng giải thoát, người khác chưa được định Diệt tận, gọi là Tuệ giải thoát, chỉ do sức tuệ, đối với chướng phiền não được giải thoát.

Những gì gọi là thể của chướng giải thoát?

Tâm các A-la-hán đã giải thoát mà lại câu giải thoát, là vì chướng giải thoát kia, nghĩa là đối với chỗ chướng ngại trong các giải thoát có tánh vô phú vô ký của vô tri yếu kém, làm chướng ngại giải thoát, là thể của chướng giải thoát. Đối với chướng kia, cõi kia khi được lia nhiễm, dù đã dứt chướng không có thừa mà vẫn khởi giải thoát, khi chướng kia không hiện hành, mới được gọi là giải thoát.

Có sư khác nói: Chướng giải thoát này tức lấy không tự tại đối với các định làm thể.

Có sư khác nói: Chướng giải thoát này tức dùng các định không được làm thể.

Có sư khác lại nói: Đối với gia hạnh giải thoát kia, vì không siêng năng mong cầu, vì không lắng nghe, vì không tu tập thường xuyên, nên sự giải thoát bất sinh, gọi là thể của chướng giải thoát.

Nói đầu tiên hợp lý. Vì sao? Vì tất nhiên có một ít sức pháp hay làm chướng ngại, khiến cho hành giả kia ở định không chuyển vận tự tại. Nếu không như vậy, thì hành giả kia có duyên gì mà đối với các định không được tự tại?

Không được định: Tất phải có nguyên nhân, không thể nói tức nhân không được, vì tự thể không trở lại nhân tự thể. Hoặc chướng phiền não lẽ ra cũng có thể nói, tức dùng quả ứng không được làm tánh, vì chướng giải thoát kia đã không đúng, thì chướng phiền não này làm sao như thế? Quả A-la-hán cũng do gia hạnh, vì không siêng năng mong cầu, v.v..., nên thể không được sinh. Ấy là vì không có thể của chướng phiền não khác nhau, nên cả ba nói sau đều không đúng. Lại, tâm vô lậu cũng có từ chướng phiền não này, gọi là được giải thoát.

Do căn cứ ở thân và căn cứ ở hành thế gian mà gọi là giải thoát. Nghĩa là phải là khi giải thoát, chướng ngại của giải thoát. Mới khởi giải thoát ở thân và hành thế A-la-hán có danh đồng, căn cũng đồng.

Nên tạo ra bốn luận chứng:

1. Trong tuệ giải thoát có thời giải thoát, bất thời giải thoát. Trong câu giải thoát có hai, cũng vậy.

2. Trong thời giải thoát có tuệ giải thoát, có câu giải thoát. Bất thời giải thoát có hai, cũng vậy.

3. Trong tuệ giải thoát, hai thời giải thoát tự đối lẫn nhau, hai bất thời giải thoát, câu giải thoát cũng vậy.

4. Trong tuệ giải thoát, lấy thời giải thoát, bất thời giải thoát, trong câu giải thoát lần lượt đối nhau trái với đây, nên biết cũng vậy.

Như Đức Thế tôn nói: Năm phiền não dứt không thể dẫn dắt, chưa gọi là mãn học.

Vị Hữu học, Vô học có bao nhiêu nhân? Đối với vị bình đẳng riêng gọi là mãn?

Tụng rằng:

*Hữu học gọi là Mãn
Do ba: căn, quả, định
Vô học được gọi mãn
Chỉ do hai: căn, định.*

Luận chép: Học đối với vị học, riêng được gọi là mãn, phải đủ ba nhân, đó là căn, quả, định, nên Kiến chí, Thân chứng, riêng được gọi là Mãn.

Có thiếu một ít còn không phải học mãn, huống chi là thiếu tất cả mà được gọi là mãn.

Những gì gọi là có thiếu một ít? Nghĩa là Tín giải được định diệt. Hoặc Kiến chí, Bất hoàn chưa được định Diệt tận. Hoặc Kiến chí chưa lìa dục, hoặc Tín giải, Bất hoàn chưa được định Diệt tận.

Những gì gọi là thiếu tất cả? Nghĩa là Tín giải chưa lìa dục, có thừa nhận thiếu một ít, cũng được gọi là mãn, thuyết kia nói như vậy: Có người Hữu học chỉ vì căn cơ nên cũng được gọi là mãn, nghĩa là các Kiến chí chưa lìa nhiễm dục. Có người Hữu học chỉ vì quả nên cũng được gọi là mãn, nghĩa là Tín giải, Bất hoàn chưa được định Diệt tận. Có người Hữu học vì căn, quả nên cũng được gọi là mãn, nghĩa là Kiến chí, Bất hoàn chưa được định Diệt tận. Có người Hữu học vì quả, định nên cũng được gọi là mãn, nghĩa là các Tín giải được định Diệt tận. Có người Hữu học vì đủ ba, nên riêng được gọi là mãn, nghĩa là các Kiến

chỉ được định Diệt tận.

Không có người Hữu học vì chỉ do định và vì căn định, cũng được gọi là mãn. Nói này không thể nương tựa làm sao Hữu học đối với công đức cao quý của các Hữu học, cũng chưa đủ chứng mà được nhận gọi là Mãn, nên như nói trước, về lý chắc chắn có thể nương tựa.

Trong quả vị Vô học, vì đều là quả mãn, nên không do quả để kiến đặt tên Mãn, mà vị mình đối nhau một mình gọi là mãn, vì phải đủ hai thứ, là căn và định, nên chỉ người Bất thời, Câu giải thoát đối với Vô học khác, riêng được gọi là mãn, hễ thiếu bất cứ một, thứ nào còn không phải Vô học mãn, huống chi là thiếu cả hai mà được gọi là Vô học mãn ư?

Những gì gọi là hễ thiếu một?

Nghĩa là Thời giải thoát được định Diệt tận, hoặc Bất thời giải thoát không được định Diệt tận.

Những gì gọi là thiếu cả hai?

Nghĩa là Thời giải thoát không được định Diệt tận, có nói thừa nhận thiếu một cũng được gọi là mãn. Nói này đáng nương tựa, về lý như trước đã nói, như Khế kinh nói: Hai A-la-hán:

1. Đủ ba minh.
2. Bất thoái pháp.

Trước kia đã nói: Trong các quả ứng, hai A-la-hán thuộc về quả ứng nào? Vả lại, bất thoái pháp thuộc về Bất động, nhưng sự sai khác của Bất động này có hai:

1. Chỉ có thể không lui sụt quả ứng.
2. Không lui sụt tất cả đức cao quý.

Thứ nhất trong đây chỉ gọi Bất động, như tư pháp, v.v..., do luyện căn được, vẫn có lui mất quả A-la-hán. Vì quả ứng này khác với đức vượt hơn kia, nên được gọi là Bất động. Nhưng tất cả đức vượt hơn đối với quả ứng, cũng có thể lui mất không gọi là Bất thoái.

Thứ hai cũng không có thoái vì các đức vượt hơn, nên kinh ở đức kia đặt tên Bất thoái, vì trong Bất động, ở công đức cao quý, có người có thể lui sụt. Cho nên, Khế kinh đối với Bất động lập pháp bất thoái.

Đủ ba minh, nghĩa là có người nói: Ba minh này thuộc về Tuệ giải thoát, Câu giải thoát, vì chung chưa rồi, được định Diệt tận.

Có người nói: Chỉ thuộc về Câu giải thoát. Túc trụ tử sinh minh vì căn cứ ở ả tĩnh lực, nên người khởi ả tĩnh lực, gọi là Câu giải thoát. Nay, hiểu tường tận ý kinh nói tuệ, câu giải thoát, nếu viên mãn thì thể chúng đều khác, chưa khởi căn bản, đã được diệt tận, vì bị cách xa. Không

viên mãn. Nghĩa là hai thể xen lẫn nhau, thuận theo nói, đều chung. Nhưng vì muốn phân biệt để cho không có lẫn lộn, nên căn cứ ở định diệt chưa được, nói được, vì tuệ giải thoát không có được định diệt. Tĩnh lực căn bản dù không hiện hành, nhưng ở vị lai sẽ thành tựu.

Do đó có thể nói đủ ba minh, nghĩa là về lý gồm nhiếp chung trong hai giải thoát.

Nói rộng, sự sai khác của các đạo là vô lượng, nghĩa là thấy đạo, tu đạo, v.v... của thế gian, xuất thế gian. Nay, nên tư duy lựa chọn.

Đối với các đạo, lược nói có bao nhiêu thuộc có khả năng thuộc khắp?

Tụng rằng:

*Nên biết tất cả đạo
Lược nói chỉ có bốn
Là Gia hạnh, Vô gián
Cùng Giải thoát, Thắng tiến.*

Luận chép: Đạo gia hạnh, nghĩa là Vô gián này, đạo Vô gián sinh. Đạo Vô gián, là đạo này có thể diệt chướng ngại của đối tượng nên dứt.

Đạo Giải thoát: là đã giải thoát chỗ sinh đầu tiên ra chướng ngại của đối tượng nên dứt.

Đạo thắng tiến, nghĩa là trừ gia hạnh Vô gián, giải thoát các đạo khác.

Nghĩa nào gọi là Đạo?

Nghĩa là tìm cầu nương tựa, vì nương tựa đạo này để tìm cầu quả Niết-bàn. Do đạo này, tất cả người tu khổ trí, v.v..., đều vì tìm cầu Niết-bàn. Hoặc đạo này gọi là con đường Niết-bàn, Hiền Thánh ba thừa đã qua con đường bằng này, để đạt nhanh chóng hai thứ cõi Niết-bàn, ở chỗ khác đạo được đặt tên thông hành, vì đối với đế, có thể khéo thông đạt, lại có thể đi qua nhanh chóng đến thành Niết-bàn.

Hỏi: Niết-bàn này có bao nhiêu thứ? Dựa vào đâu để lập ra?

Tụng rằng:

*Thông hành có bốn thứ
Vui dựa tĩnh lực gốc
Khổ dựa vào địa khác
Căn lợi độn, nhanh chậm.*

Luận chép: Kinh nói: Thông hành gồm có bốn thứ:

1. Thông hành khổ chậm.
2. Thông hành khổ nhanh.

3. Thông hành vui chậm.

4. Thông hành vui nhanh.

Bốn thông hành này có sai khác, vì chỗ dựa của địa, chỗ dựa của căn, để lập ra khác nhau.

Hỏi: Thế nào là chỗ dựa của địa để lập ra sai khác?

Đáp: Nghĩa là chỗ dựa trong bốn tĩnh lự căn bản, sinh ra Thánh đạo, gọi là lạc thông hành, vì tự nhiên chuyển, như nương thuyền bè, chuyển tự nhiên, nghĩa là do chỉ, quán trong địa này được vận hành song song, vì không có thêm bớt. Lại, đẳng trì hiện có của các địa này gồm nhiếp bốn chi thành trong năm chi thọ.

Chỗ dựa của Vị chí, Trung gian của Vô sắc khác mà sinh Thánh đạo, gọi là khổ thông hành. Mặc dù đạo không phải khổ, nhưng vì chuyển vận rất cay đắng, khó khăn tương ứng với khổ thọ, nên cũng gọi là khổ, như đi hành, cỡi ngựa nương theo đường bộ. Chuyển vận khó khăn, cay đắng, nghĩa là chỉ, quán trong địa này dù đủ mà vì thêm bớt, nghĩa là ở địa Vô sắc, quán bớt, chỉ thêm, ở Vị chí, Trung gian, quán thêm, chỉ bớt. Lại, đẳng trì hiện có của các địa này không gồm nhiếp năm chi, vì bốn chi thành.

Có sự khác nói: Vì đạo của quả Vị chí khó có thể thành rồi, nên đặt tên khổ. Nghĩa là có người từ trước đến nay, đều chưa được định, thường khởi công dụng mới được hiện tiền. Định này đã biểu hiện ở trước là gia hạnh vượt hơn, vì tĩnh lự căn bản dễ khởi nên vui. Tĩnh lự trung gian đồng thuộc về một địa, phẩm tâm khác diệt, phẩm tâm khác sinh, vì rất là khó khăn cay đắng, nên cũng gọi là khổ. Ví dụ như dùng gỗ chẻ gỗ thì thật là khó, nghĩa là trong một địa có tâm, có tứ, phẩm tâm thô diệt, thì không có tâm, chỉ có tứ, phẩm tâm tế sinh, thường dùng công sức, vì các định Vô sắc cũng rất khó thành, nên cũng gọi là khổ. Vì rất nhỏ nhiệm, nghĩa là hành tướng của định Vô sắc thật tinh vi, không dễ trải nghiệm, so lường, nên tu khó thành rồi. Lại, khi từ tĩnh lự khởi Vô sắc, thì định của năm uẩn diệt, định bốn uẩn khởi, vì thật là khó thành rồi, nên đặt tên khổ.

Hỏi: Thế nào là chỗ dựa của căn để lập ra sự sai khác?

Đáp: Nghĩa là trong hai thông hành khổ, vui, căn tánh chậm lụt gọi là chậm, căn tánh nhạy bén gọi là nhanh chóng. Hai hành đối với cảnh, thông đạt chậm chạp, gọi là thông chậm. Trái với đây, gọi là thông nhanh. Hoặc người chậm chạp mà khởi thông hành, thì gọi là thông hành chậm, thông hành nhanh thì trái lại. Hoặc hưởng Niết-bàn có chậm, có nhanh, do căn tánh chậm lụt, nhạy bén, như sau sẽ nói.

Hành này dùng bốn uẩn, năm uẩn làm tánh. Do chỗ dựa ở định sắc, định Vô sắc khác nhau mà gọi là thông vì biểu thị rõ tuệ vượt hơn, như vị Thấy đạo dù đủ năm uẩn, nhưng vì tuệ vượt hơn, nên đặt riêng tên kiến, như các trí thế tục, định Kim cương dụ bên cạnh thấy đạo, cũng dùng năm uẩn, bốn uẩn làm thể để đặt danh từ trí định. Tuy nhiên có khi trong kinh nói: Bốn thông hành dùng năm căn làm tánh, cũng căn cứ ở sự vượt hơn để nói. Vì vượt hơn trong tuệ vượt hơn, nên đặt tên là thông. Dù có căn trung bình, tức gồm nhiếp nhạy bén, chậm lụt, do trong nhạy bén, chậm lụt có khi không phải rất ráo, nhưng nhắm vào lời đã nói, do sự chậm lụt, nhạy bén của căn, đối với hương viên tịch, có nhanh, có chậm. Đây là căn cứ bình đẳng tu gia hạnh siêng năng mà nói. Nếu không căn cứ bình đẳng, thì căn cơ nhạy bén, chậm lụt hướng Niết-bàn chậm, nhanh không chắc chắn. Lại, Khế kinh nói: Bốn luận chứng chậm, thân, hoại, nhanh, v.v... hiện pháp sai khác. Đây là căn cứ ở gia hạnh có siêng năng, không siêng năng, không căn cứ ở chuyển căn và có lui sụt để nói, vì các bậc Thánh, nếu đã trải qua sự sinh không thoái, không chuyển căn sẽ bất sinh cõi trên.

Đại giác, Độc giác đến rất ráo Thanh văn, chỗ dựa thông hành nào nhập Thánh, chứng quả rất ráo. Đấng Đại giác chỉ căn cứ ở lạc tốc thông hành, nghĩa là dùng tĩnh lự thứ tư làm chỗ dựa. Do căn rất nhạy bén nhập chánh chắc chắn, chứng đắc Chánh đẳng Bồ-đề vô thượng. Dụ Lâm giác đối với Độc giác: Như đấng Đại Giác nói, giác khác thì không chắc chắn. Trong hai Thanh văn đã đạt đến rất ráo, Xá lợi tử dựa vào khổ tốc thông hành và lạc tốc thông hành, nhập Thánh chứng quả rất ráo. Xá-lợi-tử kia đã nương dựa Vị chí nhập chánh chắc chắn, vì dựa vào định thứ tư, được lậu tận. Mục-kiền-liên chỉ căn cứ ở khổ tốc thông hành, nghĩa là dựa vào Vị chí nhập chánh chắc chắn, vì dựa vào định Vô sắc, được lậu tận, nên hai Thánh từ trước đến nay, vì lạc tuệ, lạc định, nên chứng quả rất ráo. Y chỉ nơi sắc, Vô sắc, thừa nhận đến các đại Thanh văn rất ráo. Pháp như vậy chỉ vì đắc quả dần, nên Thanh văn kia nhập Thánh đạo, đều nương dựa quả Vị chí.

